

Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST  
Ngày: 24-01- 2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Hồng Lam

Bà Phạm Thị Hậu

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 31/12/2021, giữa:

*Nguyên đơn:* bà Lê Thị Như T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

(yêu cầu vắng mặt)

*Bị đơn:* ông Dương Văn H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn – Bà Lê Thị Như T trình bày: bà và ông H chung sống với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn vì không hợp nhau và do ông H không có trách nhiệm, lại cờ bạc, đánh đề. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống. Bà và ông H đã ly thân nhau hơn 07 năm.

Về quan hệ con chung: không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Bị đơn – ông Dương Văn H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của ông H. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 13 Quận 4, TP. Hồ Chí Minh thì ông Dương Văn H có hộ khẩu thường trú tại Đường D, Phường E, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Dương Văn H. Ông H có hộ khẩu thường trú tại Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập xét xử hợp lệ lần 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: hai đương sự tự nguyện chung sống năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, sau thời gian chung sống, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do sự vô trách nhiệm của ông H. Vì không thể tiếp tục sống chung nữa nên hai người đã nộp đơn yêu cầu thuận tình ly hôn vào năm 2020 nhưng sau đó hai người đã rút đơn và Tòa đã đình chỉ việc giải quyết việc dân sự vào ngày 09/3/2021. Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Theo biên bản xác minh ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 4 thì: “Bà T và ông H chung sống với nhau tại địa chỉ Đường D, Phường E, Quận C, TP. Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống không thấy hai người cãi và đánh nhau vì cả hai đóng cửa đi làm... Còn thực chất hai người có hạnh phúc hay không thì không rõ. Năm 2019, gia đình ông H bán nhà Đường D, Phường E, Quận C, TP. Hồ Chí Minh. Từ khi bán nhà đến nay, ông H đi đâu không rõ, còn bà T thì chuyển về sống tại Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh. Bà T và ông H không có con và tài sản chung. Bà T chuyển về sống tại Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh trước khi ông H bán nhà. Đây là nhà riêng của bà T”

Tòa đã triệu tập bị đơn rất nhiều lần để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải nhưng bị đơn không đến và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến cũng như thiện chí muốn hàn

gắn tình cảm giữa hai người. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa hai người không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: không có.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 53; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015;*

*Căn cứ Luật thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:*

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.**

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Như T được ly hôn với ông Dương Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận C, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/7/2010).

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: không có.

**2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Bà Lê Thị Như T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0036319 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

**3. Về quyền kháng cáo:** đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tấn Phát

